

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên

Ngành: Khoa học giáo dục

Chuyên ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Vật lý

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Quang Linh

2. Ngày tháng năm sinh: 07/12/1982

Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Xã Đông Cứu – Huyện Gia Bình – Tỉnh Bắc Ninh

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà 24, tổ 7, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên.

6. Địa chỉ liên hệ: số nhà 24, tổ 7, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại di động: 0975128846; E-mail: linhnq@tnue.edu.vn

7. Quá trình công tác

- Từ tháng 11, năm 2004 đến tháng 01, năm 2010 là giáo viên trường THPT Lê Văn Thịnh – Huyện Gia Bình – Tỉnh Bắc Ninh.

- Từ tháng 02, năm 2010 đến nay là giảng viên Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên.

- Chức vụ hiện nay: Phó trưởng bộ môn Phương pháp dạy học
- Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng bộ môn
- Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

- Địa chỉ cơ quan: Số 20, đường Lương Ngọc Quyến, Phường Quang Trung, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên
- Điện thoại cơ quan: 0208 3851 013

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 16 tháng 7 năm 2004; số văn bằng: 600710; ngành: Cử nhân sư phạm, chuyên ngành: Vật lý; Nơi cấp bằng: Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên, Việt Nam.
- Được cấp bằng Thạc sỹ ngày 28 tháng 12 năm 2009; số văn bằng: 10464; ngành: Giáo dục học, chuyên ngành: LL&PPDH bộ môn Vật lý; Nơi cấp bằng: Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên, Việt Nam.
- Được cấp bằng Tiến sỹ ngày 08 tháng 3 năm 2018; số văn bằng: 007653; ngành: Khoa học giáo dục, chuyên ngành: LL&PPDH bộ môn Vật lý; Nơi cấp bằng: Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:: Chưa được công nhận

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên, Việt Nam.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Khoa học giáo dục

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu

- Hướng nghiên cứu thứ nhất: ***Đạy học theo định hướng phát triển năng lực người học***. Hướng nghiên cứu này tập trung khám phá các năng lực cần phát triển ở người học, giáo viên, giảng viên, cách “đo” năng lực ở người học/giảng viên; Các biện pháp để phát triển năng lực ở người học, tính hiệu quả của các biện pháp phát triển năng lực ở người học/giảng viên.

- Hướng nghiên cứu thứ hai: ***Dạy học và tổ chức hoạt động giáo dục theo giáo dục STEM***. Hướng nghiên cứu này tập trung khám phá các quy trình tổ chức hoạt động dạy và học thông qua hình thức STEM gắn với bài học, STEM gắn với hoạt động trải nghiệm; các yếu tố ảnh hưởng tới giáo dục STEM; các năng lực có thể phát triển ở người học thông qua giáo dục STEM.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học

- Đã hướng dẫn 12 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn Thạc sĩ; 12 đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên, 16 khóa luận tốt nghiệp đại học;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 02 cấp cơ sở (01 đề tài làm chủ nhiệm và 01 đề tài làm thành viên);
- Đã công bố 43 bài báo khoa học, trong đó 06 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã xuất bản 06 sách tham khảo, giáo trình.

Cụ thể:

- Hướng nghiên cứu thứ nhất: Dạy học theo định hướng phát triển năng lực người học
 - + Số bài báo khoa học được công bố: 24 bài [7.1], [7.2], [7.3], [7.4], [7.5], [7.6], [7.7], [7.10], [7.12], [7.13], [7.19], [7.21], [7.26], [7.32], [7.33], [7.34], [7.35], [7.37], [7.38], [7.39], [7.40], [7.41], [7.42] và [7.43]. (Trong đó, số bài báo đăng trên tạp chí Quốc tế uy tín thuộc danh mục Scopus ứng viên là tác giả chính sau tiên sĩ là 03 bài [7.10], [7.12], [7.13]).
 - + Số đề tài, dự án khoa học đã thực hiện: 02 đề tài [6.1], [6.2].
 - + Số học viên cao học đã hướng dẫn và đã có quyết định cấp bằng: 04 học viên [4.1], [4.2], [4.8] và [4.9].
 - + Số sách, giáo trình đã được xuất bản làm tài liệu học tập: 04 cuốn [5.3], [5.4], [5.5] và [5.6].
- Hướng nghiên cứu thứ hai: Dạy học và tổ chức hoạt động giáo dục theo giáo dục STEM
 - + Số bài báo khoa học được công bố: 19 bài [7.8], [7.9], [7.11], [7.14], [7.15], [7.16], [7.17], [7.18], [7.20], [7.22], [7.23], [7.24], [7.25], [7.27], [7.28], [7.29], [7.30], [7.31] và [7.36] (Trong đó, số bài báo đăng trên tạp chí Quốc tế uy tín thuộc danh mục Scopus ứng viên là tác giả chính sau tiên sĩ là 03 bài [7.8], [7.9] và [7.11]).

- + Số học viên cao học đã hướng dẫn và đã có quyết định cấp bằng: 08 học viên [4.3], [4.4], [4.5], [4.6], [4.7], [4.10], [4.11] và [4.12].
- + Số sách, giáo trình đã được xuất bản làm tài liệu học tập: 02 cuốn [5.1] và [5.2].

15. Khen thưởng

Ứng viên đã nhận được:

- 01 Bằng khen của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo, về việc đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm học liên tiếp (2015-2016 và 2016-2017).
- 01 Giấy khen của Giám đốc Đại học Thái Nguyên, về việc đã ***có thành tích xuất sắc trong công bố quốc tế*** năm học 2018-2019.
- 01 giấy khen của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm – ĐH Thái Nguyên, về việc đã ***có thành tích xuất sắc trong công bố quốc tế*** năm học 2022-2023.

16. Kỷ luật: Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo

Căn cứ vào Luật giáo dục và các quy định hiện hành về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của giảng viên, tôi xin tự đánh giá mình đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và thực hiện tốt các nhiệm vụ của nhà giáo theo các quy định hiện hành. Cụ thể:

- Đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn của nhà giáo:
 - + Luôn tuân thủ chủ trương đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước trong cuộc sống và trong giảng dạy;
 - + Có phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị vững vàng;
 - + Đạt trình độ chuẩn được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ;
 - + Đủ sức khỏe đáp ứng được công tác giảng dạy và nghiên cứu theo yêu cầu;
 - + Lý lịch cá nhân rõ ràng, minh bạch;
- Thực hiện tốt các nhiệm vụ của nhà giáo:
 - + Giảng dạy theo đúng mục tiêu, nguyên lý giáo dục, thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình đào tạo;
 - + Số giờ giảng dạy và nghiên cứu khoa học luôn đạt và vượt định mức theo quy định trong hơn 10 năm qua tại Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên;
 - + Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và quy nội quy Nhà trường;

- + Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự nhà giáo;
- + Tôn trọng nhân cách, đối xử công bằng, bảo vệ các quyền lợi chính đáng của người học và đồng nghiệp;
- + Không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nêu gương tốt cho người học và đồng nghiệp.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 13 năm 7 tháng
- Kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ trong 6 năm, trong đó 3 năm cuối liên tiếp như sau:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn GD trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn GD trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn GD quy đổi/số giờ chuẩn định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2016-2017	0	0	0	2	279.0	0.0	304.1/378.5/229.5
2	2019-2020	0	0	2	0	0.0	144.0	156.0/302.2/229.5
3	2020-2021	0	0	2	1	0.0	198.0	213.0/384.6/229.5
03 năm học cuối								
4	2021-2022	0	0	2	0	16.5	144.0	159.0/289.0/229.5
5	2022-2023	0	0	3	0	121.0	144.0	302.0/431.4/229.5
6	2023-2024	0	0	0	0	99.0	192.0	279.0/284.7/229.5

3. Ngoại ngữ

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên; số bằng: 0000752; năm cấp: 2013

- Chứng chỉ trình độ B2, được cấp bởi Trung tâm đánh giá ngôn ngữ Tiếng Anh – Đại học Cambridge - UK; thời điểm cấp chứng chỉ: tháng 12 năm 2015.

- Chứng chỉ trình độ C, được cấp bởi Trung tâm ngoại ngữ, tin học Vinatex; thời điểm cấp chứng chỉ: tháng 7 năm 2011.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

4. Hướng dẫn HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
4.1	Bounaom PHETARN OUSONE		x	x		2017-2019	Trường ĐHSP – ĐH Thái Nguyên	Ngày cấp 10/9/2019 Ngày có QĐ 26/8/2019
4.2	Hà Mạnh Đạc		x	x		2017-2019	Trường ĐHSP – ĐH Thái Nguyên	Ngày cấp 10/9/2019 Ngày có QĐ 26/8/2019
4.3	Oulaypheth PHONGSA VANH		x	x		2017-2019	Trường ĐHSP – ĐH Thái Nguyên	Ngày cấp 10/9/2019 Ngày có QĐ 26/8/2019
4.4	Vũ Tuấn		x	x		2018-2020	Trường ĐHSP – ĐH Thái Nguyên	Ngày cấp 02/02/2021 30/12/2020
4.5	Phonepaseuth KHOUTHACHACK		x	x		2018-2020	Trường ĐHSP – ĐH Thái Nguyên	Ngày cấp 08/01/2021 Ngày có QĐ 30/12/2020
4.6	Nunthida PHAYSITH		x	x		2019-2021	Trường ĐHSP – ĐH Thái Nguyên	Ngày cấp 08/11/2021 Ngày có QĐ 02/11/2021
4.7	Soulivon KHAMPHA		x	x		2019-2021	Trường ĐHSP – ĐH Thái Nguyên	Ngày cấp 08/11/2021 Ngày có QĐ 02/11/2021
4.8	Mạc Thuỳ Dương		x	x		2020-2022	Trường ĐHSP – ĐH Thái Nguyên	Ngày cấp 13/9/2022 Ngày có QĐ 08/9/2022
4.9	Somenuk		x	x		2020-2022	Trường ĐHSP	Ngày cấp

TT	Họ tên HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
	SUNTIPHAB						– ĐH Thái Nguyên	13/9/2022 Ngày có QĐ 08/9/2022
4.10	Vũ Thị Thanh Yên		x	x		2021-2023	Trường ĐHSP – ĐH Thái Nguyên	Ngày cấp 02/10/2023 Ngày có QĐ 28/9/2023
4.11	Nguyễn Văn Tuấn		x	x		2021-2023	Trường ĐHSP – ĐH Thái Nguyên	Ngày cấp 02/10/2023 Ngày có QĐ 28/9/2023
4.12	Nông Minh Ân		x		x	2021-2023	Trường ĐHSP – ĐH Thái Nguyên	Ngày cấp 02/10/2023 Ngày có QĐ 28/9/2023

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách	NXB và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (trang biên soạn)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận SD sách)
Sau khi được công nhận TS							
5.1	Dạy học chủ đề STEM cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông	Tham khảo	Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, 2018	6		Biên soạn các trang: 30-47, 47-73 <i>Tổng: 45/135 trang</i>	Quyết định số 2162a/QĐ-ĐHSP ngày 06/9/2022 về việc Ban hành Danh mục tài liệu phục vụ đào tạo khoá 57
5.2	Thiết kế và tổ chức dạy học chủ đề STEM cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông	Tham khảo	Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, 2019	4		Biên soạn các trang: 34-54, 54-81, 137-179 <i>Tổng: 115/272 trang</i>	
5.3	Hướng dẫn thực hiện kế hoạch dạy học đáp ứng yêu cầu phát	Tham khảo	Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, 2019	10		Biên soạn các trang: 42-57, 64-140 <i>Tổng: 93/260 trang</i>	

TT	Tên sách	Loại sách	NXB và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (trang biên soạn)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận SD sách)
	triển phẩm chất, năng lực học sinh trung học		Minh, 2021				
5.4	Thực hành sự phạm vật lý 2	Giáo trình	Đại học Thái Nguyên, 2022	1	x	Biên soạn các trang: 1-113 <i>Tổng: 113/113 trang</i>	Quyết định số 2162a/QĐ-ĐHSP ngày 06/9/2022 về việc Ban hành Danh mục tài liệu phục vụ đào tạo khoá 57
5.5	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Vật lý ở trường phổ thông	Giáo trình	Đại học Thái Nguyên, 2024	2	x	Biên soạn các trang: 1-25; 48-94; 121-142 <i>Tổng 94/141 trang</i>	
5.6	Thực hành sự phạm vật lý 1	Giáo trình	Đại học Thái Nguyên, 2024	2		Biên soạn các trang: 36-94 <i>Tổng 59/118 trang</i>	

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu/Xếp loại KQ
Sau khi được công nhận TS					
6.1	Nghiên cứu xây dựng bài giảng điện tử học phần Dạy học Vật lý theo quan điểm tích hợp	Chủ nhiệm	CS.E.2021.18	Từ 7/2021 đến 4/2022	01/4/2022 Xếp loại: Đạt
6.2	Nghiên cứu xây dựng bài giảng điện tử học phần Dạy học Vật lý theo quan điểm tích hợp	Thành viên	CS.E.2021.17	Từ 7/2021 đến 4/2022	10/3/2022 Xếp loại: Đạt

7. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

(*x* - là tác giả chính; *x** - là tác giả chính đồng thời là tác giả liên hệ)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Tạp chí QT uy tín	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận TS								
7.1	Thiết kế, chế tạo và sử dụng bộ thí nghiệm giao thoa sóng nước ở trường phổ thông	1	x*	Tạp chí Thiết bị Giáo dục, ISSN:1859 - 0810			Số đặc biệt tháng 9 Trang 8-10	9/2009
7.2	Khai thác bài tập thực nghiệm nhằm phát triển tư duy phê phán và tư duy sáng tạo của học sinh	2	x*	Tạp chí Thiết bị Giáo dục, ISSN:1859 - 0810			Số 70 Trang 6-8	6/2011
7.3	Rèn năng lực giải quyết vấn đề thông qua bài tập vật lý thực nghiệm	1	x*	Tạp chí Thiết bị Giáo dục, ISSN:1859 - 0810			Số đặc biệt tháng 10 Trang 54-56	10/2011
7.4	Problem solving activities experimental exercises in physics teaching in schools - means of developing critical thinking for students a case study of fluid mechanics	2		Asian Academic Research Journal of Multidisciplinary ISSN: 2319-2801			Số 30, tập 1 Trang 33-41	2/2015
7.5	Developing students' critical thinking through physics experimental exercises	2	x	Proceedings of the 4th International Conference of Science Educators and Teachers (ISET), Faculty of Education KhonKaen University ISBN: 978-616-223-817-8,			Số 694 Trang 240-249 https://www.academia.edu/41630506/ISET-2016_Proceedings_THAILAND	6/2016
7.6	Bồi dưỡng duy phê phán cho học sinh thông qua hoạt động giải bài tập thí nghiệm trong dạy học vật lý ở trường phổ	1	x*	Tạp chí khoa học trường Đại học sư phạm Hà Nội ISSN: 2354-1075			Số 61, tập 3 Trang 81-92, https://doi.org/10.18173/2354-1075.2016-0030	1/2016

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Tạp chí QT uy tín	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	thông							
7.7	Thiết kế công cụ đánh giá năng lực sáng tạo của học sinh trong quá trình tham gia hoạt động trải nghiệm sáng tạo ở trường phổ thông	2	x*	Tạp chí Giáo dục, ISSN: 2354-0753			Số 409, tập 1 Trang 45-47	7/2017
II	Sau khi được công nhận TS							
7.8	The Involvement of Gender in STEM Training for Teachers	2	x	European Journal of Educational Research ISSN: 2165-8714	SCOPUS Q3 CiteScore 2.0	9	Vol 9, No 1 Trang 363-373 https://doi.org/10.12973/eujer.9.1.363	01/2020
7.9	Implementation of STEM education: A bibliometrics analysis from case study research in Scopus database	7	x	EURASIA Journal of Mathematics, Science and Technology Education ISSN:1305-8223	SCOPUS Q2 CiteScore 4.3	10	Vol. 19, No. 6, pp. 1-14, https://doi.org/10.29333/ejmste/13216	4/2023
7.10	Curriculum Development Competency of Pedagogical Students: An Exploratory Study from Vietnam	8	x	International Journal of Learning, Teaching and Educational Research ISSN: 1694-2116; 1694-2493	SCOPUS Q3 CiteScore 2.1	9	Vol. 22, No. 5, pp. 457-478, https://doi.org/10.26803/ijlter.22.5.23	5/2023
7.11	Obstacles and Challenges in Implementing STEM Education in High Schools: A Case Study in the Northern Mountains of Vietnam	3	x	European Journal of Educational Research ISSN: 2165-8714	SCOPUS Q3 CiteScore 3.6	1	Vol. 12, No. 3, pp. 1363-1375, https://doi.org/10.12973/eujer.12.3.1363	5/2023
7.12	Factors Influencing Ethnic Minority Students' Programme Development Capacity: Case Study at Pedagogical Universities in Vietnam	6	x	International Journal of Learning, Teaching and Educational Research ISSN: 1694-2116; 1694-2493	SCOPUS Q3 CiteScore 2.1	9	Vol. 22, No. 8, pp. 301-324, https://doi.org/10.26803/ijlter.22.8.17	8/2023
7.13	Overcoming Cultural and Language	2	x	Journal of Education and e-	SCOPUS Q2 CiteScore		Có email chấp nhận xuất bản	2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Tạp chí QT uy tín	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	Barriers: Explore Experiences of Lao Students at Universities of Education in Vietnam			Learning Research ISSN: 2410-9991; 2518-0169	3.3			
7.14	STEM Contents in Pre-service Teacher Curriculum: Case Study at Physics Faculty	3	x*	AIP Conference Proceedings ISSN: 0094-243X; 1551-7616	SCOPUS Q3 CiteScore 0.5	7	Số 1923, Trang 030071-1 đến 030071-8 https://doi.org/10.1063/1.5019562	12/2018
7.15	Developing critical thinking of students through STEM educational orientation program in Vietnam	3	x*	Journal of Physics: Conference Series ISSN: 1742-6588; 1742-6596	SCOPUS Q3 CiteScore 0.7	39	Số, 1340 Trang 1203(1) - 1203(6) https://iopscience.iop.org/article/10.1088/1742-6596/1340/1/012025	10/2019
7.16	Situation of organizing STEM activities in Vietnamese Schools	3		Journal of Physics: Conference Series ISSN: 1742-6588; 1742-6596	SCOPUS Q3 CiteScore 0.7	2	Số 1340 Trang 12029(1) - 12029(9) https://doi.org/10.1088/1742-6596/1340/1/012030	10/2019
7.17	Implement of STEM education in Vietnamese high school: unit of acid-base reagent from purple cabbage	3		Journal of Physics: Conference Series ISSN: 1742-6588; 1742-6596	SCOPUS Q3 CiteScore 0.7	25	Số 1340, Trang 12025(1) - 12025(11) https://doi.org/10.1088/1742-6596/1340/1/012029	10/2019
7.18	Engineering design process in STEM education: an illustration with the topic “wind energy engineers”	2	x*	Journal of Physics: Conference Series ISSN: 1742-6588; 1742-6596	SCOPUS Q3 CiteScore 0.8	1	Số 1835, Trang 12051(1) – 12051(13) https://doi.org/10.1088/1742-6596/1835/1/012051	10/2021
7.19	Thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường phổ thông	2	x	Tạp chí khoa học trường Đại học Sư phạm Hà Nội			Số 53 Trang 111-120	02/2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Tạp chí QT uy tín	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
				2, ISSN: 1859-2325				
7.20	Thiết kế tiến trình dạy học kiến thức “máy phát điện. Động cơ điện xoay chiều” – vật lý 12 theo định hướng giáo dục STEM.	3	x*	Tạp chí khoa học trường Đại học Sư phạm- Đại học Đà Nẵng, ISSN: 1858-4603			29B (03) Trang 53-58	7/2018
7.21	Thiết kế hoạt động trải nghiệm chủ đề “rô bốt đơn giản” cho học sinh lớp 7	4	x*	Tạp chí khoa học trường Đại học Sư phạm- Đại học Đà Nẵng, ISSN: 1858-4603			29A (03) Trang 49-52	7/2018
7.22	Giáo dục STEM trong chương trình GDPT mới	2	x*	TNU Journal of Science and Technology, ISSN: 1859-2171; 2615-9562		3	206 (13) Trang 25-31 https://jst.tnu.edu.vn/jst/article/view/595	4/2019
7.23	Tổ chức dạy học bài “tác dụng từ, tác dụng hóa học và tác dụng sinh lý của dòng điện” - vật lý 7 theo định hướng giáo dục STEM	1	x*	TNU Journal of Science and Technology, ISSN:1859-2171; 2615-9562			206 (13) Trang 33-39 https://jst.tnu.edu.vn/jst/article/view/960	9/2019
7.24	Bồi dưỡng năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm cho sinh viên sư phạm vật lý theo mô hình giáo dục STEM	2	x*	TNU Journal of Science and Technology, ISSN: 1859-2171; 2615-9562			209 (06) Trang 101-107 https://s.net.vn/qY54	12/2019
7.25	Developing students’ problem-solving capacity with STEM education: an investigation in northern- lao people’s democratic republic	3	x*	TNU Journal of Science and Technology, ISSN: 1859-2171; 2615-9562			206 (08) Trang 238-292 https://doi.org/10.34238/tnu-jst.4433	6/2021
7.26	Vận dụng dạy học theo trạm kết hợp với kỹ thuật mảnh ghép nhằm phát huy tính	2	x	Tạp chí khoa học trường Đại học Sư phạm Hà Nội, ISSN: 2354-1075			4E (66) Trang 145-157 https://doi.org/10.18173/2354	10/2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Tạp chí QT uy tín	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	tích cực của học sinh						-1075.2021-0196	
7.27	Tổ chức dạy học chủ đề “sản xuất tinh dầu quế” hóa hữu cơ 11 theo hướng giáo dục STEM nhằm phát triển năng lực vận dụng kiến thức kỹ năng cho học sinh	3	0	Tạp chí khoa học trường Đại học Sư phạm Hà Nội, ISSN: 2354-1075			4E (66) Trang 258-270 https://doi.org/10.18173/2354-1075.2021-0206	10/2021
7.28	Developing students' creative thinking through STEM education	1	x*	TNU Journal of Science and Technology, ISSN: 1859-2171; 2615-9562			227 (09) trang 352-362 https://doi.org/10.34238/tnu-jst.5991	6/2022
7.29	Tổ chức dạy học STEM chủ đề “nhà cách âm” - khoa học tự nhiên 7	1	x*	TNU Journal of Science and Technology, ISSN: 1859-2171; 2615-9562			227 (09), trang 482-489 https://doi.org/10.34238/tnu-jst.5991	6/2022
7.30	Building the process of designing lesson plans following STEM education in teaching natural sciences	2	x*	TNU Journal of Science and Technology, ISSN: 1859-2171; 2615-9562			227 (09), trang 543-550 https://doi.org/10.34238/tnu-jst.6124	6/2022
7.31	Những năng lực giáo viên cần được bồi dưỡng để triển khai thành công giáo dục STEM ở trường phổ thông	4	x*	Tạp chí Giáo dục, ISSN: 2354-0753			tập 23, số 6 trang 51-57 https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/676	3/2023
7.32	Bồi dưỡng năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm	3	x*	Tạp chí Giáo dục, ISSN: 2354-0753			tập 23, số 5 trang 35-40 https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/663	4/2023
7.33	Interaction behaviors of students from thai nguyen university	3		European Journal of Education Studies,			Volume 10, Issue 1, pp. 39-49	6/2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Tạp chí QT uy tín	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	of education with chatGPT: benefits and challenges			ISSN: 2501-1111; 250 -1111			https://doi.org/10.46827/ejes.v10i11.5047	
7.34	Challenges and difficulties in the utilization of technological tools by high school teachers: a case study in northern provinces	2	x	TNU Journal of Science and Technology, ISSN: 1859-2171; 2615-9562			228(12), trang 442-449 https://doi.org/10.34238/tnu-jst.8562	9/2023
7.35	Quan điểm của giáo viên về việc ứng dụng công nghệ thực tế ảo tăng cường (AR) trong dạy học vật lý tại các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam	2	x	Tạp chí giáo dục, ISSN: 2354-0753			23 (21), trang 7-11 https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/1088	11/2023
7.36	Dạy học chủ đề “Năng lượng tái tạo” (Vật lý 11) theo định hướng giáo dục STEMS nhằm phát triển năng lực khoa học cho học sinh	2	x	Tạp chí Giáo dục, ISSN: 2354-0753			23 (22), trang 17-22 https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/1104	11/2023
7.37	Factors Influencing Students’ Participation in Scientific Research: Case Study at Pedagogical Universities in Vietnam	4	x	Studies in Social Science Research, ISSN: 2690-0793; 2690-0785			Vol. 4, No. 2, pp. 46-64 https://doi.org/10.22158/sssr.v4n2p46	4/2023
7.38	The situation of training teachers in teaching physical topics by general education program in 2018	3	x	TNU Journal of Science and Technology, ISSN: 1859-2171; 2734-9098			228 (04), trang 101-106, https://doi.org/10.34238/tnu-jst.7217	3/2023
7.39	The effectiveness of experiential learning models in teacher training: a case study in Thai Nguyen province, Vietnam	5		European Journal of Education Studies, ISSN: 2501-1111; 250 -1111			Volume 10, Issue 7, pp. 431-445 https://doi.org/10.46827/ejes.v10i7.4899	6/2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Tạp chí QT uy tín	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
7.40	Enhancing science education in remote regions: The impact of PhET simulations on teaching electricity in northern Vietnam	3	x*	Journal of Educational Research, ISSN: 2795-3272; 2795-3264			07 (02), pp 61-68 https://doi.org/10.5281/zenodo.10815027	3/2024
7.41	Khám phá ảnh hưởng của việc sử dụng “mô phỏng PhET” đến năng lực khoa học tự nhiên ở học sinh trung học cơ sở: Một nghiên cứu thực nghiệm	3	x*	Tạp chí Giáo dục, ISSN: 2354-0753			24 (9), 42-47 https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/1763	5/2024
7.42	Factors influencing the use of Phyphox software in physics teaching at high schools in Vietnam	3		Journal of Educational Research, ISSN 2795-3272; 2795-3264			07 (03), pp. 01-10 https://doi.org/10.5281/zenodo.10899177	4/2024
7.43	Đề xuất khung năng lực lãnh đạo của học sinh khối trung học phổ thông	2	x*	TNU Journal of Science and Technology, ISSN: 1859-2171; 2734-9098			229 (08), trang 368-374 https://doi.org/10.34238/tnu-jst.10067 hoặc https://jst.tnu.edu.vn/jst/article/view/10067/pdf	5/2024

- Trong đó: 06 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà ứng viên là **tác giả chính** sau Tiến sĩ ở thứ tự [7.8], [7.9], [7.10], [7.11], [7.12] và [7.13].

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KH-CN	Vai trò của ứng viên	Văn bản giao nhiệm vụ	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế
Trong đào tạo Tiến sĩ					
8.1	Phát triển chương trình đào tạo Tiến sĩ chuyên	Ủy viên	- Quyết định số 320/QĐ-	Trường Đại học	Quyết định số 1854/ QĐ-

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò của ứng viên	Văn bản giao nhiệm vụ	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế
	ngành LL&PPDH bộ môn Vật lý		ĐHSP ngày 22/02/2022; - Quyết định số 438/QĐ-ĐHSP ngày 23/2/2024	Sư phạm - ĐHTN	ĐHSP ngày 29/7/2022
Trong đào tạo Thạc sĩ					
8.2	Rà soát, cập nhật, điều chỉnh, tự đánh giá chương trình đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành LL&PPDH bộ môn Vật lý	Ủy viên	Quyết định số 1033/QĐ-ĐHSP ngày 15/3/2021	Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN	Quyết định số 4168/ QĐ-ĐHSP ngày 15/10/2021
8.3	Rà soát, cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành LL&PPDH bộ môn Vật lý	Ủy viên	Quyết định số 424/QĐ-ĐHSP ngày 28/02/2023	Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN	Quyết định số 3148/ QĐ-ĐHSP ngày 29/9/2023
8.4	Rà soát, cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo Thạc sĩ định hướng ứng dụng	Ủy viên	Quyết định số 441/QĐ-ĐHSP ngày 23/02/2024	Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN	
Trong đào tạo trình độ Đại học					
8.5	Phát triển chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Vật lý áp dụng từ K55	Ủy viên	Quyết định số 421/ QĐ-ĐHSP ngày 28/2/2020	Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN	Quyết định 4199/QĐ-ĐHSP ngày 26/11/2020
8.6	Phát triển chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Vật lý áp dụng từ K57	Ủy viên	Quyết định số 837/ QĐ-ĐHSP ngày 14/4/2022	Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN	Quyết định 2108/QĐ-ĐHSP ngày 30/8/2022
Trong hoạt động bồi dưỡng					
8.7	Xây dựng tài liệu bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở dạy môn Khoa học tự nhiên	Ủy viên	Quyết định số 1873a/QĐ-ĐHSP ngày 24/5/2021	Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN	Quyết định số 01/QĐ-ĐHSP ngày 04/01/2022

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học thay thế:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):
.....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):
.....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN **cấp cơ sở bị thiếu**: bài báo ở thứ tự số [7.9], được trình bày trong mục 7 của văn bản này: Phuong, N. L., **Linh, N. Q.**, Thao, T. T. P., Pham, H. H. T., Giang, N. T., & Thuy, V. T. (2023). Implementation of STEM education: A bibliometrics analysis from case study research in Scopus database. *Eurasia Journal of Mathematics, Science and Technology Education*, 19(6),em2278. <https://doi.org/10.29333/ejmste/13216>

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 6 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Nguyễn Quang Linh